TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Phương

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Đỗ Thế Huân

2. Bà Lê Thị Hà

-*Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Ngọc Vân - Thư ký Tòa án Tòa án ND huyện Hoằng Hóa

- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Hoằng Hóa tham gia phiên toà:*

Bà Hoàng Thị Hoa, Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Viết L, sinh năm 1975. Có mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Chị Thiều Thị D, sinh năm 1975. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn anh Lê Viết L, bị đơn chị Thiều Thị D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2018, bản tự khai ngày 14/2/2019 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn anh Lê Viết L thể hiện:

Tôi (L) và chị Thiều Thị D tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã H, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2000. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã kéo dài. Đến cuối năm 2018 chị D xúc phạm bố mẹ tôi mà

không xin lỗi. Vợ chồng tình cảm ngày càng nhạt dần và đến 4/11/2018(âm lịch) chị D bỏ nhà đi cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho tôi xin được ly hôn với chị D. Do tình cảm của tôi đối với chị D không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên tôi đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về con: Vợ chồng tôi có 01 con chung Lê Thị Thu H, sinh ngày 25/12/2003. Hiện nay cháu đang ở với tôi. Nay ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cháu và không yêu cầu chị D cấp dưỡng, vì hiện nay tôi ở nhà kinh doanh buôn bán nên mức thu nhập của tôi mỗi tháng là 10.000.000đồng(Mười triệu đồng). Đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai của chị Thiều Thị D thể hiện:

Về hôn nhân: Tôi (D) và anh Lê Viết L tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2000. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã kéo dài. Nay anh L làm đơn xin ly hôn tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con: Vợ chồng tôi có 01 con chung Lê Thị Thu Huyền, sinh ngày 25/12/2003. Hiện nay cháu đang ở với tôi. Nay ly hôn tôi có nguyện vọng giao cháu Huyền cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/02/2019 các đương sự thể hiện ý kiến như sau;

Về hôn nhân: Quan điểm của anh Lê Viết Lh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với chị D.

Quan điểm của chị Thiều Thị D: Trong khi trình bày bản tự khai ngày 14/2//2019 tôi đồng ý ly hôn nhưng sau đó tôi về suy nghĩ xét thấy tình cảm của tôi với anh L vẫn còn nên tôi không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con. Đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con: Quan điểm của anh L: Anh có nguyện Vong được nuôi cháu Lê Thị Thu Huyền và không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

Quan điểm của chị D: Tôi có nguyện vọng được nuôi cháu và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Tại bản tự khai của cháu Lê Thị Thu Huyền thể hiện: Cháu có nguyện vọng được ở với bố cháu là Lê Viết L.

Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của con chưa thành niên và xác minh thu thập chứng cứ về nguyên nhân xảy ra tranh chấp trong quan hệ vợ chồng anh L và chị D tại UBND xã H theo quy định tại Khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo xét xử cho chị D nhưng chị không có mặt. Tòa án đã lập biên bản về việc không tống đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án, đồng thời tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng tại trụ sở UBND xã H và nhà văn hóa thôn C theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về quá trình tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Anh L và chị D kết hôn năm 2000. Vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh L có nguyện vọng xin ly hôn chị D. Chị D mong muốn đoàn tụ . Đại diện VKS nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Thể hiện tình cảm vợ chồng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Lê Viết L được ly hôn với chị Thiều Thị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01(một) con chung Lê Thị Thu Huyền sinh ngày 25/12/2003. Cháu có nguyện vọng được ở với bố khi bố và mẹ ly hôn. Hiện nay chị D không có mặt tại địa phương, cháu Huyền đang sống cùng anh L ổn định. Do đó đề nghị HĐXX tiếp tục giao cháu Huyền cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Viết L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Viết L không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Viết L làm đơn đề nghị ly hôn đến Tòa án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng và niêm yết cho chị D biết theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa ngày 06/5/2019, do chị D vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nay căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Thiều Thị D là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Viết L và chị Thiều Thị D kết hôn với nhau vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải nổi, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Mặc dù chị D mong muốn đoàn tụ nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay chị không thể hiện tình cảm đoàn tụ. Trong khi đó anh L vẫn cương quyết xin được ly hôn . Do đó HĐXX xét thấy tình cảm của anh chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Viết L đối với chị Thiều Thị D là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Vợ chồng tôi có 01 con chung Lê Thị Thu Huyền, sinh ngày 25/12/2003. Hiện nay cháu đang ở với anh L. Nay ly hôn chị D và anh L đều có nguyện vọng được nuôi cháu và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của anh L: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con của anh L là phù hợp vì từ khi chị D bỏ nhà đi cho đến nay cháu ở với anh, anh vẫn đảm bảo cho cháu ăn học bình thường. Hiện nay mức thu nhập của anh mỗi tháng là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng). Do đó không nên sáo trộm cuộc sống của cháu mà tiếp tục giao cháu Lê Thị Thu Huyền cho anh Lê Viết L nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Đối với yêu cầu nuôi con của chị D: Từ khi chị D bỏ nhà đi cho đến nay anh Lĩnh là người trực tiếp chăm sóc cháu, đảm bảo cuộc sống cho cháu ăn học, sinh hoạt bình thường. Nguyện vọng của cháu được ở với bố. Do đó yêu cầu của chị D không được chấp nhận.

[4] Về tài sản: Anh Lê Viết L, chị Thiều Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]Về án phí: Nguyên đơn là anh Lê Viết L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51,56,57,58, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 208, Điều 271, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Anh Lê Viết L được ly hôn chị Thiều Thị D.

Về con: Công nhận cháu Lê Thị Thu Huyền, sinh ngày 25/12/2003 là con chung của anh Lê Viết L và chị Thiều Thị D. Giao cháu Lê Thị Thu Huyền cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Lê Viết L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004498 ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa. Anh L đã thi hành xong.

Nguyên đơn anh Lê Viết L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn chị Thiều Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND h. Hoằng Hóa;*
- *Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;*
- *UBND xã h;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Phương

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Thiều Thị Dung tham gia hòa giải lần hai và nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị Dung không đến để giải quyết vụ án, Tòa án có liên lạc với chị Dung bằng điện thoại(0976051775) và trao đổi với chị về việc anh Lĩnh vẫn có nguyện vọng cương quyết ly hôn, vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Quan điểm của chị như thế nào? Chị Dung có trao đổi lại chị thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay, nhưng chị không muốn ly hôn và anh cũng không về Tòa án làm việc còn việc anh Lĩnh làm đơn xin ly hôn là việc của anh Lĩnh. Tại biên bản làm việc với thôn Cự Đà và UBND xã Hoằng Minh: Chị Thiều Thị Dung có hộ khẩu địa phương và chị Dung bỏ nhà đi từ tháng 11/2019 cho đến nay. Do đó mọi giấy tờ Tòa án tống đạt đều phải làm thủ tục niêm yết tại thôn Cự Đà và UBND xã Hoằng Minh.